

Số: 19/QĐ-UBND

Châu Thành, ngày 28 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Nguyệt Hóa
(Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Nguyệt Hóa
huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh)**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 19/8/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Nguyệt Hóa huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng xã Nguyệt Hóa (điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Nguyệt Hóa huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh);

Căn cứ Công văn 484/SXD-QH&KT ngày 08/05/2018 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh về việc hướng dẫn lập quy hoạch chung xây dựng xã theo Thông tư số 02/2017/TT-BXD của Bộ Xây dựng; Công văn số 198/SXD-QH&KT ngày 26/02/2020 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh về việc góp ý Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Nguyệt Hóa, Thanh Mỹ, Long Hòa, huyện Châu Thành;

Xét Tờ trình số 10/TTr-UBND ngày 11/02/2020 của Ủy ban nhân dân xã Nguyệt Hóa và Báo cáo số 01/BC-HĐTĐ ngày 07/01/2020 của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch xây dựng huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Nguyệt Hóa (Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh), với các nội dung như sau:

1. Tên đồ án, phạm vi nghiên cứu, ranh giới lập quy hoạch:

1.1. Tên đồ án: Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Nguyệt Hóa (Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh).

1.2. Phạm vi nghiên cứu, ranh giới lập quy hoạch:

Quy hoạch chung xây dựng toàn bộ diện tích tự nhiên của xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, với diện tích tự nhiên: 1.175.79 ha, gồm 06 ấp: Cỏ Tháp A, Cỏ Tháp B, Trà Đét, Sóc Thát, Bến Có, Xóm Trảng; tứ cận như sau:

- + Phía Đông: Giáp Phường 7, thành phố Trà Vinh.
- + Phía Tây: Giáp xã Phương Thạnh, huyện Càng Long.
- + Phía Nam: Giáp Phường 8, thành phố Trà Vinh và xã Lương Hòa, huyện Châu Thành.
- + Phía Bắc: Giáp xã Đại Phúc, huyện Càng Long và xã Long Đức, thành phố Trà Vinh.

2. Cơ quan tổ chức điều chỉnh quy hoạch: Ủy ban nhân dân xã Nguyệt Hóa.

3. Cơ quan thẩm định, phê duyệt đồ án:

- Cơ quan thẩm định đồ án: Hội đồng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng huyện Châu Thành.
- Cơ quan phê duyệt đồ án: Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành.

4. Mục tiêu, tính chất, chức năng, kinh tế chủ đạo:

4.1. Mục tiêu:

- Xây dựng phát triển không gian hài hòa, đảm bảo kết nối hạ tầng chung khu vực.
- Định hướng phát triển và nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, chỉnh trang xóm ấp, khu dân cư, tạo mỹ quan nông thôn.
- Làm cơ sở quản lý phát triển các dự án đầu tư, công trình phù hợp theo quy hoạch.
- Kết nối các khu chức năng: Trung tâm xã và khu dân cư với các khu vực sản xuất trên địa bàn, tổ chức hợp lý phục vụ sinh hoạt sản xuất.
- Phát huy tối đa hiệu quả sử dụng đất, bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh trật tự, thúc đẩy phát triển kinh tế.

4.2. Tính chất, chức năng, kinh tế chủ đạo:

Là xã có diện tích và điều kiện tự nhiên thuận lợi phát triển về thủy sản, cây màu, nông nghiệp gắn với đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển theo quy hoạch.

5. Quy mô dân số, lao động, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

5.1. Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng: 7.388 người.
- Dân số đến năm 2025: 7.890 người.
- Dân số: 8.330 người.

5.2. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

- Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:
 - + Đất ở nông thôn : $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$.
 - + Đất công trình công cộng : $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$.
 - + Đất Cây xanh – TDTT : $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$.
 - + Đất giao thông đối nội : $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$.
 - + Mật độ xây dựng toàn khu : 30 - 40%.
 - + Hệ số sử dụng đất toàn khu : 0,5 - 1,0.
 - + Chiều cao xây dựng tối đa : 25m (Theo QCXDVN 01:2008)
- Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật: (theo QCXDVN 01:2008)
 - + Cấp nước sinh hoạt : 80 lít /người/ngày.
 - + Công trình công cộng, dịch vụ: $\geq 10\%$ lượng nước sinh hoạt;
 - + Cấp điện sinh hoạt : 400 – 1000 KW/ng/năm
 - + Điện công cộng : 30% điện sinh hoạt
 - + Thoát nước thải : $\geq 80\%$ nước cấp
 - + Rác thải : 0,8 kg/người/ngày.

6. Cơ cấu phân khu chức năng, tổ chức không gian tổng thể xã:

6.1. Cơ cấu phân khu chức năng:

- Bố trí hợp lý không gian trung tâm, không gian các khu dân cư và không gian sản xuất:

+ Không gian trung tâm, vị trí các công trình công cộng như trung tâm hành chính, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường mầm non, trạm y tế, nhà văn hóa, thư viện, khu thương mại dịch vụ...

+ Khu dân cư hiện hữu và khu dân cư phát triển xây dựng mới. Các khu dân cư này được sắp xếp nằm liền kề nhau và sử dụng giải pháp phát triển theo dạng tuyến, ven trục bộ, kênh rạch.

+ Không gian sản xuất, định hướng phân chia các chức năng của loại đất để có kế hoạch canh tác, sử dụng đất hợp lý

- Cơ cấu các điểm dân cư nông thôn như sau:

- Tổ chức không gian chức năng các khu dân cư như sau:

STT	Tuyến dân cư	Số người	Diện tích (ha)	Số người năm 2025	Diện tích (ha)	Số người năm 2030	Diện tích (ha)
I	Khu trung tâm xã	500	2.39	1.000	15,00	1500	22,50
II	Các điểm dân cư khác						
1	Trà Đét	780	3.72	804	12,06	810	12,15
2	Sóc Thát	973	4.64	1.039	15,59	1.097	16,46
3	Bến Có	1.997	9.53	1.932	28,99	1.952	29,29
4	Cổ Tháp A	1.275	6.09	1.261	18,92	1.138	17,07
5	Cổ Tháp B	794	3.79	812	12,18	827	12,40
6	Xóm Trảng	1.069	5.1	1.042	15,62	1.006	15,09
	Tổng:	7.388	35.26	7.890	118	8.330	125

- Dự kiến quy hoạch khu dân cư đường huyện 3 và khu dân cư mới (ấp Bến Có), diện tích xây dựng (phi nông nghiệp) là 239,8 ha.

- Ngoài ra dân cư sống rải rác trong các khu nông nghiệp của gia đình.

(Vị trí các điểm dân cư xem thêm bản đồ định hướng phát triển không gian)

6.2. Định hướng tổ chức không gian toàn xã:

a. Tổ chức không gian tổng thể:

- Tổng thể không gian xã Nguyệt Hóa được tổ chức có hệ thống, giúp đáp ứng được nhu cầu tối ưu hóa các diện tích sử dụng thông qua việc bố trí hợp lý không gian trung tâm, không gian các khu dân cư và không gian sản xuất.

- Đối với không gian trung tâm phải đáp ứng tốt nhất nhu cầu quản lý và ổn định khu vực, là nơi tập trung các công trình công cộng, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động sản xuất của người dân.

- Đối với không gian các khu dân cư cần tạo được sự hài hòa giữa khu dân cư hiện hữu và khu dân cư phát triển xây dựng mới.

- Đối với không gian sản xuất, việc quy hoạch sẽ phân chia các chức năng của loại đất để có kế hoạch canh tác, trồng trọt hợp lý, cho năng suất cao nhất.

b. Tổ chức không gian trung tâm:

- Khu trung tâm của xã hiện nay đã hình thành và xây dựng tương đối. Nằm trên trục đường H01 hướng kết nối ra tuyến Quốc Lộ 53, đây là khu vực trung tâm, tập trung các công trình hành chính, công cộng, dịch vụ chính của toàn xã.

- Đây là trung tâm của các điểm dân cư toàn xã, tại đây sẽ bố trí các khu chức năng như: trường học, nhà trẻ, ban nhân dân ấp, bưu điện, nhà văn hóa, sân

thể thao, thư viện, trường học, trạm y tế, khu thương mại dịch vụ,... kết hợp với một khu cây xanh - vườn hoa sử dụng công cộng,... các khu chức năng được bố trí tập trung để tạo cảnh quan, xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận và bán kính phục vụ nhu cầu thiết yếu.

c. Tổ chức không gian các khu dân cư:

- Khu dân cư hiện hữu phân bố chủ yếu theo các tuyến giao thông liên ấp, liên xã Đường vành đai và Quốc lộ 53. Trong tương lai, vẫn sử dụng giải pháp phát triển theo dạng tuyến, ven trục bộ, kênh rạch, đảm bảo phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân.

- Các khu dân cư xây dựng mới được bố trí xen cài với khu dân cư hiện hữu. Hình thức không gian nhà ở dạng nhà vườn, diện tích mỗi hộ khoảng 400m² - 800m², được bố trí các chức năng phù hợp (kết hợp đất ở và sản xuất nông nghiệp).

d. Tổ chức không gian sản xuất:

- Không gian sản xuất của xã được bố trí trên tổng thể khu quy hoạch theo đó phần đất nông nghiệp được tổ chức theo 02 dạng tập trung và phân tán.

- Khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp với các mô hình sản xuất, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản. Phát triển các loại hình tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ phục vụ cho nông nghiệp và nhu cầu đời sống xã hội.

6.3. Vị trí, quy mô các công trình công cộng, dịch vụ xã:

a. Công trình giáo dục:

Trên địa bàn xã Nguyệt Hóa có 03 điểm trường gồm: 02 điểm trường tiểu học và 01 điểm trường mẫu giáo, đáp ứng nhu cầu phục vụ dân cư của xã.

+ Trường tiểu học:

- Điểm chính: Thuộc ấp Cổ Tháp B, diện tích xây dựng 3.604m², có 11 phòng học và 07 phòng chức năng, 358 học sinh, 42 giáo viên.

- Điểm phụ: Thuộc ấp Xóm Trảng, diện tích xây dựng 836m², có 05 phòng học, 01 phòng chức năng, 76 học sinh, giáo viên luân chuyển qua lại từ điểm chính.

+ Trường mẫu giáo: Thuộc ấp Cổ Tháp B, diện tích xây dựng 2.965m², có 08 phòng học, 06 phòng chức năng, 240 học sinh, 20 giáo viên.

- Do đặc thù của xã gần kề các khu dân cư có các cơ sở giáo dục từng lớp các cấp của thành phố Trà Vinh và của tỉnh phục vụ tốt nhu cầu học tập của người dân trong xã. Do vậy xã không cần có điểm trường cấp II, III nên không đặt vào quy hoạch.

- Quỹ đất xây dựng công trình giáo dục (xã) khoảng 10.413m²:

	Chỉ tiêu quy hoạch (HS/1.000dân)	Chỉ tiêu diện tích giáo dục tối thiểu	Số người năm 2030	Số học sinh năm 2030	Diện tích đất giáo dục cần (m ²)
Học sinh tiểu học	65	10	8.330	541	5.415
Học sinh mầm non	50	12		417	4.998
Tổng				958	10.413

Diện tích đất đai các công trình giáo dục cải tạo chỉnh trang có sự thay đổi so với hiện trạng là do nâng cấp mở rộng các tuyến đường và cập nhật các dự án theo quy hoạch vùng huyện đến năm 2025.

b. Công trình y tế:

Trạm Y tế xã tại ấp Cổ Tháp B được đầu tư xây dựng đạt chuẩn, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe được cải tạo chỉnh trang cho phù hợp với chức năng chuyên ngành, với diện tích khoảng 0,21ha gồm trạm y tế và vườn thuốc (đảm bảo theo quy chuẩn $\geq 1.000 \text{ m}^2$).

c. Công trình trụ sở hành chính - văn hóa:

Khu trung tâm hành chính xã (trụ sở làm việc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, ...) tại vị ấp Cổ Tháp B, với tổng diện tích khoảng 0,37ha được giữ nguyên diện tích xây dựng. Trong thời gian tới, định hướng mở rộng theo hướng phát triển không gian bên trên (nâng tầng). Xây dựng mới Nhà văn hóa xã hiện hữu tại vị ấp Cổ Tháp B, vị trí đặt trong khuôn viên Ủy ban nhân dân xã hiện hữu với quy mô 0,02 ha (phần này không tăng thêm do quỹ đất trong trung tâm xã vẫn còn theo quy chuẩn nên phần 0,02ha sẽ nằm trong 0,37ha diện tích đất trụ sở Ủy ban nhân dân xã)

d. Các công trình công cộng khác

- Chợ xã Nguyệt Hóa có diện tích khoảng 0,18ha nằm trên địa bàn ấp Cổ Tháp B.

- Bru điện hiện hữu được cải tạo, chỉnh trang tại ấp Cổ Tháp B, với quy mô 0,02 ha.

- Sân thể thao được định hướng quy hoạch tại ấp Cổ Tháp B, với quy mô 0,36 ha đáp ứng được nhu cầu phục vụ.

- Khu vui chơi trẻ em được đặt tại ấp Bến Có, cấp Quốc lộ 53, diện tích khoảng 2.000m² (tận dụng từ khu đất giáo dục Trường Tiểu học Nguyệt Hóa, điểm Bến Có).

7. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Giao thông:

* *Giao thông đối ngoại:*

- Quốc lộ 53 và Đường vành đai là 02 tuyến giao thông kết nối xã Nguyệt Hóa với các khu vực khác trong huyện Châu Thành

** Giao thông trong xã:*

- Các đường huyện, đường xã đi lại quanh năm; tỷ lệ mặt đường cứng (rải nhựa hoặc bê tông xi măng) đường huyện đạt 100%, đường xã tối thiểu 70%.

- Các tuyến đóng vai trò là trục chính yếu của xã kết nối và lưu thông hàng hóa từ huyện tới các ấp, các cơ sở sản xuất kinh doanh của xã. Các tuyến trục chính được quy hoạch xây dựng có kết cấu mặt đường rộng 3,5m, nền 5,5m, lộ giới 7m.

- Bên cạnh đó các tuyến đường chủ yếu phục vụ sự đi lại của người dân, không có xe cơ giới qua lại, bề rộng đường tối thiểu 3m, nền 5m, lộ giới 6m.

- Hệ thống giao thông xã Nguyệt Hóa: Được bố trí thực hiện theo Phụ lục kèm theo.

7.2. Về cao độ nền - thoát nước mặt:

** Công tác thủy lợi:*

- Công tác thủy lợi đi đôi với việc thoát nước mặt cho các khu dân cư. Đối với những khu vực là đất sản xuất nông nghiệp và thủy hải sản thì thoát nước mặt là công tác nạo vét các kênh, mương để tạo điều kiện cho thủy triều lên xuống đều đặn.

- Các kênh, mương tự nhiên sẽ giữ lại làm công tác thủy lợi, thoát nước và cấp nước cho đồng, ruộng, ao, hồ nuôi - trồng thủy sản. Lượng nước được lưu chuyển sẽ là điều kiện tốt để phát triển nông và ngư nghiệp của địa phương.

- Bên cạnh đó, việc tăng cường và nghiên cứu đào thêm kênh thoát nước sẽ góp phần làm cho hệ thống thủy lợi và thoát nước mặt trở nên thuận lợi hơn.

** Về cao độ nền:*

Chọn cao độ xây dựng +2,25m theo định hướng quy hoạch vùng tỉnh Trà Vinh.

** Về thoát nước mưa:*

- Hướng thoát: Về phía các kênh, rạch hiện hữu giữ lại cho thoát nước theo hướng ngắn nhất.

- Hệ thống mương, cống thoát nước được bố trí dọc các trục đường chính.

- Một số tuyến kênh đề nghị được mở rộng và đào mới để thuận lợi cho công tác tiêu nước.

7.3. Về hệ thống cấp nước:

** Chỉ tiêu cấp nước:*

- Khu vực thuộc vùng nông thôn mới: 80 l/người/ngày.

- Khu công nghiệp: 40 m³/ha.

- Tiêu chuẩn cấp nước công trình công cộng, thương mại dịch vụ lấy trung bình 15% tổng lưu lượng nước cấp sinh hoạt.

- Thất thoát rò rỉ lấy bằng 15% tổng lưu lượng nước cấp.

- Hệ số dùng nước ngày lớn nhất lấy bằng 1,20 cho khu dân cư và 1,10 cho khu công nghiệp.

- Tổng lưu lượng thoát nước cấp là khoảng: 1.040 (m³/ngày)

* Định hướng hệ thống cấp nước:

- Nguồn nước máy phục vụ sinh hoạt và sản xuất của xã do Công ty Cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh cung cấp. Ngoài ra mở rộng đài nước 0,2 ha tại ấp Trà Đét. Đề xuất quy hoạch thêm nhà máy cấp nước công suất 10.000 m³/ngày/đêm để phục vụ cho người dân trong vùng dự án.

- Mạng lưới cấp nước: Xây dựng mạng lưới đường ống bằng nhựa PVC theo các tuyến giao thông chính.

7.4. Phát triển hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

* *Chỉ tiêu thoát nước:*

- Chỉ tiêu thoát nước thải sinh hoạt: 100% tổng lưu lượng nước cấp.

- Chỉ tiêu thoát nước thải công nghiệp: 80% tổng lưu lượng nước cấp.

- Chỉ tiêu thoát nước công cộng, dịch vụ thương mại lấy bằng 15% nước thải sinh hoạt.

- Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt: 0,8kg/người/ngày.

- Hệ số thoát nước ngày lớn nhất lấy bằng 1,20 cho khu dân cư và 1,10 cho khu công nghiệp.

* *Định hướng hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:*

- Thoát nước thải: Nước thải trước khi thoát ra mạng lưới thoát nước chung phải được xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn, đạt tiêu chuẩn cho phép thoát ra môi trường. Tại khu vực trung tâm xã, khuyến khích xây dựng bể xử lý nước thải cục bộ tùy theo năng lực tài chính của địa phương. Bể xử lý nước thải thu gom lượng nước đáy tại giếng tách dòng cuối tuyến cống chung.

Rác thải: Được thu gom từng hộ gia đình hằng ngày đưa về khu xử lý tập trung của tỉnh tại xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, công suất 10 tấn/ngày.

7.5. Về cấp điện:

* *Chỉ tiêu cấp điện:*

Chỉ tiêu cấp điện phải đạt tối thiểu như sau:

- Sinh hoạt dân cư trung tâm: 1600 kWh/hộ/năm.

- Sinh hoạt dân cư nông thôn: 1000 kWh/hộ/năm.

- Công trình công cộng: 30% nhu cầu sinh hoạt.

- Đất nông nghiệp: 0,2 kW/ha.

- Chiếu sáng giao thông: 10kW/ha.
- Giao thông, công viên: 20 kW/ha.
- Tổng nhu cầu cấp điện: 2.708kW.

** Định hướng cấp điện:*

- Nguồn điện: Hiện khu vực sử dụng nguồn điện quốc gia Trạm 110/22kV 2x40MVA Châu Thành, lâu dài được bổ sung nguồn điện từ Trạm biến áp 110/22kV 2x40MVA Châu Thành thông qua tuyến trung thế 22kV dọc các trục đường chính trong khu quy hoạch.

- Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các trạm biến áp phân phối 22/0,4kV và 12,7/0,4kV kiểu trạm phòng, trạm đơn thân, compact, trạm giàn, trạm treo cấp điện 0,4kV cho khu quy hoạch.

- Mạng lưới điện trung thế 22kV: Mạng lưới đầu vào dây trung thế sử dụng dây nhôm lõi thép đi trên trụ bê tông ly tâm, tại ngõ ra hoặc băng qua trục đường đi ngầm. Tuyến trung thế cấp điện cho khu dân cư là đường dây trên không. Từ đây, phải đặt các trạm hạ thế tập trung, điện áp 22/0,4KV để cung cấp điện cho các hộ tiêu thụ.

7.6. Về hệ thống thông tin liên lạc:

** Dự báo nhu cầu:*

- Điện thoại dự kiến cho nhà ở: 01-02 máy / 01hộ.
- Công trình công cộng: 30% nhu cầu sinh hoạt.
- Dự phòng: 5%.

** Nguồn cấp:*

Xây dựng mới lưới nổi thông tin liên lạc phân phối lâu dài sẽ được ngầm hóa dọc các đường trong khu quy hoạch từ các buro điện, trạm điện thoại xây dựng mới sử dụng cáp đồng dung lượng mỗi tuyến khoảng 100 - 200 đôi, theo nhu cầu sử dụng hoặc cáp quang cung cấp dịch vụ cho hộ tiêu thụ thông qua các tủ phân phối thứ cấp.

8. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư:

8.1. Về giao thông:

- Ưu tiên đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường trục chính của xã: Đường trục xã H01, H02.

- Ưu tiên đầu tư cải tạo, sửa chữa xây mới các tuyến giao thông nội đồng chính, nhằm phục vụ tốt cho việc vận chuyển nông sản, hàng hóa của người dân.

- Đầu tư hệ thống giao thông liên ấp, giao thông nội bộ, các tuyến giao thông phục vụ cho việc đi lại của người dân.

- Việc phân kỳ đầu tư xây dựng dựa theo sự phân bổ vốn và danh mục đăng ký đầu tư công trình trung hạn 5 năm, giai đoạn 2021 - 2025 của xã Nguyệt Hóa để có sự đầu tư hợp lý.

8.2. Về thủy lợi:

Xây dựng hệ thống thủy lợi xã Nguyệt Hóa đồng bộ với hệ thống thủy lợi liên xã.

8.3 Về hạ tầng kỹ thuật:

- Nâng cấp tuyến điện vào trung tâm xã đến giáp phường 7, thành phố Trà Vinh (Đường vành đai) và tuyến giáp ranh ấp Trà Đét lên thành tuyến 3 pha, với tổng chiều dài là 4.000m.

- Xây dựng mới tuyến cung cấp điện kênh số I, ấp Cỏ Tháp B và Cỏ Tháp A (M15) đến giáp ranh phường 7, thành phố Trà Vinh dài 1.500m.

- Xây dựng mới tuyến hạ thế ấp Xóm Trảng (từ nhà ông Sơn Thune đến kênh Xóm Trảng dài 400m).

- Việc đầu tư cải tạo nâng cấp, xây dựng mới thực hiện theo danh mục điều chỉnh và bổ sung các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm.

9. Quy định quản lý theo quy hoạch: Quy định chi tiết trong Quy chế quản lý điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Nguyệt Hóa huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

10. Tiến độ giải pháp tổ chức thực hiện đồ án quy hoạch xây dựng:

10.1. Tiến độ thực hiện:

Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Nguyệt Hóa (Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Nguyệt Hóa huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh) được triển khai, thực hiện kể từ ngày đồ án được Ủy ban nhân dân huyện quyết định ban hành đến hết thời hiệu của đồ án quy hoạch.

10.2. Giải pháp tổ chức thực hiện:

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Tăng cường công tác tuyên truyền và phát huy quyền làm chủ của người dân thụ hưởng.

- Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ chương trình.

- Ủy ban nhân dân xã chủ trì, phối hợp cùng các Phòng, ban chuyên môn của Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện quy hoạch, xây dựng kế hoạch vận động sự đóng góp của cộng đồng; phát huy tinh thần tự quản nhằm duy trì chất lượng lâu dài và ổn định cho các công trình được đầu tư theo quy hoạch.

- Ủy ban nhân dân xã Nguyệt Hóa đề xuất tạo hành lang pháp lý và định hướng cho việc đầu tư thực hiện các mô hình sản xuất để người dân chủ động và tích cực thực hiện theo chương trình, mô hình sản xuất nhằm cụ thể hóa nội dung quy hoạch.


Điều 2. Hội đồng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng huyện chịu trách nhiệm kiểm tra, xác nhận hồ sơ bản vẽ điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Nguyệt Hóa phù hợp với Quyết định này.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nguyệt Hóa tổ chức công bố công khai nội dung điều chỉnh quy hoạch xã nông thôn mới đến các tổ chức, cá nhân có liên quan và nhân dân biết, thực hiện quy hoạch; chịu trách nhiệm về công tác quản lý, thực hiện và lưu trữ hồ sơ quy hoạch nông thôn mới của xã theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cấp ủy và Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng huyện Châu Thành; Thủ trưởng các ngành huyện có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nguyệt Hóa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Xây dựng;
- TT.HU, TT.HĐND huyện;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- LĐVP, NCKT, NN;
- Lưu: VT. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Thạch Chiên



PHỤ LỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ NGUYỆT HÓA

(Kèm theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 28/02/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

Số TT	Cấp đường	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Kết cấu	Chiều rộng		Lộ giới	Hình thức
							Nền (m)	Mặt (m)		
A	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG NÂNG CẤP, CẢI TẠO (2021-2025)									
I	ĐƯỜNG TRỤC XÃ									
1	Đường GTNT ấp Xóm Trảng-Cổ Tháp A-Cổ Tháp B (H01)	H01	Quốc lộ 53	Bưu điện xã	3170	Nhựa	5,5	3,5	7	Cải tạo
2	Đường nhựa GTNT ấp Bến Cỏ - Trà Đét - Sóc Thát (H02)	H02	nhà ông Bùi Văn Dân	nhà bà Nguyễn Thị Tông	6.380	Nhựa	5,5	3,5	7	Cải tạo
	TỔNG CỘNG				9550					
B	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LÀM MỚI (2021-2025)									
I	ĐƯỜNG HUYỆN (GIAO THÔNG ĐỐI NGOẠI)									
1	Đường huyện 3 (M)	M	Đi cắt ngang qua xã		2850	Nhựa	9	7	29	Làm mới
II	ĐƯỜNG THÔN (liên ấp, liên xóm)									
II.1	ĐƯỜNG LIÊN ÁP									
1	Đường GTNT ấp Trà Đét, xã Nguyệt Hóa (M2)	M2	nhà ông Nguyễn Văn Cua	nhà bà Định Thị Bé Phúc	700	Đal	5	2,5	6	Làm mới
2	Đường GTNT ấp Bến Cỏ- Trà Đét, xã Nguyệt Hóa (M6)	M6	từ nhà ông Hứa Chí Hòa	nhà ông Lê Minh Thi	1000	Đal	5	3	6	Làm mới
3	Đường GTNT ấp Sóc Thát - Trà Đét, xã Nguyệt Hóa (M13)	M13	từ nhà ông Trần Văn Hát	nhà ông Lê Văn Luyến	700	Đal	5	3	6	Làm mới
4	Đường GTNT ấp Cổ Tháp A - Xóm Trảng, xã Nguyệt Hóa (M8)	M8	từ nhà ông Kim Pùng Thone	Tạ Hữu Lượng	400	Đal	5	3	6	Làm mới
	TỔNG CỘNG				2800					
II.2	ĐƯỜNG LIÊN XÓM									
1	Đường GTNT ấp Trà Đét, xã Nguyệt Hóa (M1)	M1	từ đường nhựa 135 nhà ông Lê Phước Trượng	nhà ông Nguyễn Văn Cua	1500	Đal	5	3	6	Làm mới
2	Đường GTNT ấp Trà Đét, xã Nguyệt Hóa (M3)	M3	từ đường nhựa 135	nhà ông Võ Văn Tấn	500	Đal	5	3	6	Làm mới
3	Đường GTNT ấp Bến Cỏ, xã Nguyệt Hóa (M4)	M4	từ cầu BaSi	nhà ông Nguyễn Văn Giáo	400	Đal	5	3	6	Làm mới
4	Đường GTNT ấp Bến Cỏ, xã Nguyệt Hóa (M5)	M5	từ nhà ông Lê Trung Tiến	sông Basi	650	Đal	5	3	6	Làm mới

5	Đường đal GTNT áp Sóc Thát, xã Nguyệt Hóa (M9)	M9	từ đường nhựa 135	nhà bà Lê Thị Hồng Bông	450	Đal	5	3	6	Làm mới
6	Đường đal GTNT áp Sóc Thát, xã Nguyệt Hóa (M10)	M10	từ nhà ông Nguyễn Văn Chín	nhà ông Lâm Văn Đẩu	850	Đal	5	3	6	Làm mới
7	Đường GTNT áp Sóc Thát, xã Nguyệt Hóa (M11)	M11	từ nhà bà Diệp Thị Tám	nhà bà Phạm Thị Cẩm	1500	Đal	5	3	6	Làm mới
8	Đường GTNT áp Sóc Thát, xã Nguyệt Hóa (M12)	M12	từ đường Nguyễn Văn Ý	nhà ông Huỳnh Văn Tôn	937	Đal	5	3	6	Làm mới
9	Đường GTNT áp cỏ Tháp B, xã Nguyệt Hóa (M16)	M16	N1 (từ kênh số 1)N2(từ nhà ông Trang Sĩ)	N1(đến nhà ông Sơn Chiết)N2(đến đường đal hiện hữu)	1500	Đal	5	3	6	Làm mới
10	Đường GTNT áp Cỏ Tháp B, xã Nguyệt Hóa (M17)	M17	từ Trường học Nguyệt Hóa A	đến kênh số I	450	Đal	5	3	6	Làm mới
11	Đường GTNT áp Cỏ Tháp B, xã Nguyệt Hóa (M18)	M18	từ nhà ông Lê Văn Tuấn	đến kênh Xóm Trảng	1050	Đal	5	3	6	Làm mới
12	Đường GTNT áp Cỏ Tháp A, xã Nguyệt Hóa (M19)	M19	từ nhà bà Thạch Thị Duyên	đến kênh số I	560	Đal	5	3	6	Làm mới
13	Đường GTNT áp Bến Cỏ, xã Nguyệt Hóa (M20)	M20	Hứa Chí Hòa	Đường SME	1800	Đal	5	3	6	Làm mới
14	Đường GTNT áp Bến Cỏ, xã Nguyệt Hóa (M21)	M21	từ nhà ông Huỳnh Văn Đen	đến nhà ông Nguyễn Văn Ý	1040	Đal	5	3	6	Làm mới
TỔNG CỘNG					11887					
III	ĐƯỜNG TRỤC NỘI ĐỒNG									
1	Đường GTNT áp Xóm Trảng, xã Nguyệt Hóa (M7)	M7	từ nhà ông thạch Munl	giáp ranh P7	1700	Đal	5	3	6	Làm mới
2	Đường GTNT áp Cỏ Tháp B (M14)	M14	từ đất ông Sơn Song	đất ông Thạch Sóc	1000	Đal	5	3	6	Làm mới
3	Đường GTNT áp Cỏ Tháp B – Cỏ Tháp A (M15)	M15	từ nhà ông Bùi Văn Dân	giáp ranh P7 TPTV	1500	Đal	5	3	6	Làm mới
TỔNG CỘNG					4200					
C	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LÀM MỚI (2030)									
I	ĐƯỜNG LIÊN XÓM									
1	Đường GTNT áp Cỏ Tháp A, xã Nguyệt Hóa (M22)	M22	Nhà văn hóa	Nhà Thạch Ngọc Quang	300	Đal	5	3	6	Làm mới
2	Đường GTNT áp Bến Cỏ, xã Nguyệt Hóa (M23)	M23	Từ QL 53	Nhà Dương Thị Thẩm	250	Đal	5	3	6	Làm mới
3	Đường GTNT áp Sóc Thát, xã Nguyệt Hóa (M24)	M24	Nhà Diệp Thị Tám	Nhà Châu Văn Khoa	450	Đal	5	3	6	Làm mới
4	Đường GTNT áp Bến Cỏ, xã Nguyệt Hóa (M25)	M25	Từ QL 53	Nhà Nguyễn Trường Vũ	300	Đal	5	3	6	Làm mới